BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50 /2022/TT-BGTVT	*Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

THÔNG TƯ

Quy định về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Đầu tư;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là dự án PPP) do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện một số hoạt động của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan ký kết hợp đồng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện dự án PPP do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Cục quản lý chuyên ngành bao gồm: Cục Đường bộ Việt Nam, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Hàng không Việt Nam, Cục Đường sắt Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam.

2. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP là Cục quản lý chuyên ngành hoặc Ban quản lý dự án thuộc Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là Ban quản lý dự án).

Điều 4. Cơ quan có thẩm quyền

Bộ Giao thông vận tải là cơ quan có thẩm quyền đối với các dự án PPP thuộc chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Luật PPP).

Điều 5. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án

1. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Cục quản lý chuyên ngành hoặc Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với các dự án đường cao tốc) làm cơ quan ký kết hợp đồng dự án PPP thuộc thẩm quyền của Bộ Giao thông vận tải (sau đây gọi là cơ quan ký kết hợp đồng dự án).

2. Trường hợp dự án liên quan đến từ hai Cục trở lên, các Cục thống nhất báo cáo Cơ quan có thẩm quyền quyết định việc ủy quyền cho một Cục là cơ quan ký kết hợp đồng dự án.

3. Việc ủy quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được thực hiện bằng văn bản, trong đó xác định cụ thể phạm vi, nội dung, thời hạn ủy quyền, trách nhiệm của cơ quan được ủy quyền ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP. Văn bản ủy quyền phải tuân thủ thể thức và đóng dấu hoặc ký số theo quy định.

Chương II

GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

Mục 1. Dự án PPP do cơ quan có thẩm quyền lập

Điều 6. Thẩm quyền cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và lựa chọn tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải là người quyết định cho phép lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đối với các dự án PPP thuộc phạm vi quản lý theo quy định của Luật PPP.

2. Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao đơn vị chuẩn bị dự án PPP tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

3. Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư và bên mời thầu theo quy định của pháp luật trong quá trình lựa chọn tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

Điều 7. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án

1. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ

a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi triển khai lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định pháp luật; trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư;

b) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư.

2. Đối với dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi triển khai lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định pháp luật; trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định;

b) Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì thẩm định, tham mưu cho Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quyết định chủ trương đầu tư.

3. Trình tự thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 13 Luật PPP.

Điều 8. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

Trường hợp điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định tại Điều 18 Luật PPP, trình tự trình cấp có thẩm quyền quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 7 Thông tư này đối với nội dung điều chỉnh.

Điều 9. Công bố thông tin dự án và khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi công bố thông tin dự án theo quy định tại Điều 25 Luật PPP, khảo sát sự quan tâm của nhà đầu tư đối với dự án PPP theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 35/2021/NĐ-CP).

Điều 10. Tổ chức lựa chọn tư vấn lập báo cáo nghiên cứu khả thi

Đơn vị chuẩn bị dự án PPP thực hiện nhiệm vụ của chủ đầu tư và bên mời thầu theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án

1. Cơ quan tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi

a) Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao đơn vị chuẩn bị dự án PPP tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả

thi đối với các dự án đường cao tốc;

b) Cục Quản lý đầu tư xây dựng chủ trì tham mưu, trình Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải giao đơn vị chuẩn bị dự án PPP tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi đối với các dự án ngoài trường hợp được quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án của Thủ tướng Chính phủ

a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định pháp luật; trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án;

b) Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đối với các dự án đường cao tốc;

c) Cục Quản lý đầu tư xây dựng chủ trì thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án đối với các dự án ngoài trường hợp được quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

3. Lập, thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án đối với dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt dự án của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải

a) Đơn vị chuẩn bị dự án PPP được giao tổ chức lập báo cáo nghiên cứu khả thi triển khai lập báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định pháp luật; trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định;

b) Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đối với các dự án đường cao tốc;

c) Cục Quản lý đầu tư xây dựng chủ trì thẩm định, tham mưu Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt dự án đối với các dự án ngoài trường hợp được quy định tại điểm b khoản 3 Điều này.

4. Trình tự thẩm định, phê duyệt dự án PPP thực hiện theo quy định tại các Điều 19, 20, 22 và 23 Luật PPP.

Điều 12. Điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi

Trường hợp điều chỉnh dự án theo quy định tại Điều 24 Luật PPP, trình tự thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư này đối với nội dung điều chỉnh.

Mục 2. Dự án do nhà đầu tư đề xuất

Điều 13. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Bộ Giao thông vận tải giao Cục Đường cao tốc Việt Nam đối với các dự án đường cao tốc hoặc Cục quản lý chuyên ngành kiểm tra, rà soát văn bản đề xuất

dự án của nhà đầu tư.

2. Các Cục được giao kiểm tra, rà soát văn bản đề xuất dự án quy định tại khoản 1 Điều này báo cáo Bộ Giao thông vận tải về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận cho nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi. Báo cáo bao gồm các nội dung theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. Căn cứ báo cáo của các Cục được giao kiểm tra, rà soát văn bản đề xuất, Vụ Kế hoạch - Đầu tư chủ trì tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải có văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 27 Luật PPP và giao đơn vị chuẩn bị dự án chủ trì tiếp nhận, kiểm tra, rà soát hồ sơ đề xuất dự án.

4. Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Luật PPP và khoản 2 Điều 7 Thông tư này.

5. Việc thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Luật PPP và khoản 2 Điều 11 Thông tư này.

6. Việc công bố dự án thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 27 Luật PPP và Điều 9 Thông tư này.

Chương III

LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ VÀ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 14. Lựa chọn nhà đầu tư

1. Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải là người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Đối với dự án đường cao tốc, Ban quản lý dự án có nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ khác của Bên mời thầu theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Luật PPP.

3. Đối với các dự án ngoài trường hợp được quy định tại khoản 2 Điều này, Cục quản lý chuyên ngành có nhiệm vụ sau đây:

a) Thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ của Bên mời thầu, tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan; thực hiện các nhiệm vụ khác của Bên mời thầu theo quy định pháp luật;

b) Thực hiện công bố các thông tin theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều

9 Luật PPP.

4. Trường hợp lập hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư căn cứ thiết kết sau thiết kế cơ sở và dự toán theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP, Bên mời thầu tổ chức lựa chọn tư vấn, lập hồ sơ sau thiết kế cơ sở và dự toán. Việc tổ chức thẩm định và phê duyệt theo phân cấp hoặc trình Bộ Giao thông vận tải tổ chức thẩm định, phê duyệt theo quy định trước khi lựa chọn nhà đầu tư.

5. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền cho Bên mời thầu phê duyệt các nội dung sau:

a) Hồ sơ mời sơ tuyển theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 38 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Kết quả sơ tuyển theo quy định tại khoản 4 Điều 42 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Hồ sơ mời đàm phán theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 43 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

d) Danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật theo quy định tại khoản 2 Điều 57 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

6. Cục Đường cao tốc Việt Nam đối với các dự án tại khoản 2 Điều này; Cục Quản lý đầu tư xây dựng đối với các dự án tại khoản 3 Điều này chủ trì thẩm định, tham mưu trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt các nội dung sau:

a) Hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 5 Điều 49 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

b) Kết quả lựa chọn nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 62 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

7. Hồ sơ trình thẩm định, nội dung và báo cáo thẩm định được thực hiện theo quy định tại Điều 71, 72 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

Điều 15. Đàm phán hợp đồng dự án

1. Cục Đường cao tốc Việt Nam đối với các dự án đường cao tốc, Cục quản lý chuyên ngành thực hiện đàm phán, hoàn thiện hợp đồng theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 6 Điều 64 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP..

2. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng không thành công

a) Đối với dự án đường cao tốc: trên cơ sở báo cáo của Bên mời thầu, Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng;

b) Đối với các dự án ngoài trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: trên cơ sở báo cáo của bên mời thầu, Cục Quản lý đầu tư xây dựng chủ trì tham mưu

cho Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy kết quả lựa chọn nhà đầu tư và mời nhà đầu tư xếp hạng tiếp theo vào đàm phán, hoàn thiện hợp đồng.

3. Trường hợp đàm phán, hoàn thiện hợp đồng với các nhà đầu tư trong danh sách ngắn và đáp ứng các yêu cầu của hồ sơ mời thầu không thành công

a) Đối với dự án đường cao tốc: trên cơ sở báo cáo của bên mời thầu, Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì tham mưu cho Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật PPP;

b) Đối với các dự án ngoài trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này: trên cơ sở báo cáo của bên mời thầu, Cục Quản lý đầu tư xây dựng chủ trì tham mưu Bộ Giao thông vận tải xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật PPP.

Điều 16. Ký kết hợp đồng dự án

1. Hợp đồng dự án được ký kết giữa cơ quan ký kết hợp đồng dự án và nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và các quy định khác liên quan.

2. Cơ quan ký kết hợp đồng dự án có trách nhiệm công khai thông tin hợp đồng dự án theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 65 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

CHƯƠNG IV

TRIỂN KHAI THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG DỰ ÁN

Điều 17. Nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng

Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với dự án đường cao tốc), Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện chức năng nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn xây dựng theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án, bao gồm:

1. Đối với việc lựa chọn nhà thầu tham gia thực hiện dự án của doanh nghiệp dự án

a) Kiểm tra yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm của các nhà thầu trong hồ sơ mời thầu hoặc hồ sơ yêu cầu và kiểm tra kết quả lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu của dự án (nếu có);

b) Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

2. Về công tác thẩm định, phê duyệt thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và dự toán xây dựng công trình

a) Căn cứ quy định của pháp luật về xây dựng, hợp đồng dự án thực hiện kiểm tra, rà soát đề cương nhiệm vụ, dự toán chi phí các gói thầu tư vấn, trình cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thực hiện công tác thẩm định;

b) Đối với các công trình xây dựng thuộc dự án PPP thành phần sử dụng

vốn đầu tư công: kiểm tra, rà soát và trình cơ quan chuyên môn về xây dựng để tổ chức thẩm định, thẩm định điều chỉnh hồ sơ thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế 03 bước, hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công trong trường hợp thiết kế 02 bước và dự toán xây dựng công trình theo quy định tại Điều 82 Luật Xây dựng, điểm a khoản 5 Điều 13 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng quy định nội dung thẩm định dự toán xây dựng công trình đối với công trình xây dựng thuộc dự án PPP và các quy định pháp luật có liên quan; tiếp nhận, rà soát hồ sơ thiết kế, dự toán xây dựng công trình do doanh nghiệp dự án phê duyệt, kịp thời xử lý trong trường hợp có sai khác với kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng;

3. Về công tác giải phóng mặt bằng

a) Phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng và các cơ quan liên quan trong công tác giải phóng mặt bằng, tái định cư theo quy định tại hợp đồng dự án và quy định pháp luật;

b) Kiểm tra việc thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết kịp thời những nội dung liên quan theo quy định tại pháp luật về đất đai;

c) Theo dõi, đôn đốc nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án, Chủ đầu tư dự án giải phóng mặt bằng thực hiện trách nhiệm quản lý, thanh toán, quyết toán vốn giải phóng mặt bằng theo quy định;

d) Phối hợp với địa phương hoàn thành công tác quyết toán giải phóng mặt bằng và kiểm tra, rà soát giá trị quyết toán giải phóng mặt bằng để trình cấp có thẩm quyền tổng hợp chung vào giá trị quyết toán dự án đầu tư xây dựng.

4. Về quản lý, giám sát thực hiện hợp đồng dự án

a) Kiểm tra, xem xét hồ sơ phụ lục điều chỉnh, bổ sung hợp đồng dự án (nếu có);

b) Theo dõi, giám sát việc thực hiện hợp đồng dự án của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án trong giai đoạn thực hiện đầu tư và bảo hành theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án. Trường hợp nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án có dấu hiệu vi phạm hợp đồng dự án, vi phạm pháp luật, kịp thời có biện pháp xử lý hoặc báo cáo Bộ Giao thông vận tải trong trường hợp vượt quá thẩm quyền;

c) Kiểm tra tính pháp lý và quản lý Bảo đảm thực hiện hợp đồng của nhà đầu tư theo đúng quy định của pháp luật; theo dõi thời hạn Bảo đảm thực hiện hợp đồng đảm bảo phù hợp với tiến độ thực hiện dự án theo quy định.

5. Về quản lý nguồn vốn của dự án

a) Xây dựng kế hoạch vốn hàng năm đối với vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác của dự án để báo cáo Bộ Giao thông vận tải. Theo dõi và báo cáo định kỳ tiến độ huy động vốn, tiến độ giải ngân của dự án;

b) Đối với vốn nhà nước trong dự án: tiếp nhận nguồn vốn nhà nước trong dự án và thực hiện việc thanh toán theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án; đôn đốc, hướng dẫn nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án hoàn trả chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư và chi phí khác (nếu có) theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án;

c) Đối với vốn thực hiện dự án của nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án: kiểm tra tiến độ thu xếp tài chính thực hiện dự án đối với vốn chủ sở hữu, vốn vay và các nguồn vốn hợp pháp khác phù hợp với tiến độ quy định trong hợp đồng dự án. Kiểm tra, rà soát, có ý kiến về việc tuân thủ các quy định về nguồn vốn, phương án tài chính theo quy định tại hợp đồng dự án, quy định pháp luật.

6. Về quản lý chất lượng công trình

a) Thực hiện các công việc theo quy định tại Điều 59 Luật PPP; điểm b, c, d, đ khoản 8 Điều 19 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng (sau đây gọi là Nghị định số 06/2021/NĐ-CP);

b) Kiểm tra quá trình thi công xây dựng và chất lượng công trình theo quy định tại hợp đồng dự án và các quy định của pháp luật;

c) Kiểm tra việc tuân thủ các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, các quy định kỹ thuật của hồ sơ thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình theo quy định hợp đồng dự án;

d) Kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, an toàn lao động, an toàn công trình và an toàn giao thông trong quá trình thi công theo quy định tại hợp đồng dự án;

đ) Trong trường hợp cần thiết, báo cáo Bộ Giao thông vận tải chấp thuận kiểm định xây dựng, thử nghiệm khả năng chịu lực của kết cấu công trình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

7. Về nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng, nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng

a) Tham gia nghiệm thu giai đoạn thi công xây dựng hoặc bộ phận công trình xây dựng (nếu có), nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định tại Điều 22, 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và quy định pháp luật về xây dựng;

b) Kiểm tra hồ sơ, tài liệu do doanh nghiệp dự án cung cấp, đánh giá chất lượng công trình xây dựng, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để phục vụ cho công tác kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng đối với công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng theo quy định tại Điều 123 Luật Xây dựng và Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP;

c) Ký biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây

dựng đưa vào sử dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 23 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP.

8. Công tác bảo hành công trình

Kiểm tra, giám sát việc thực hiện trách nhiệm bảo hành công trình xây dựng của doanh nghiệp dự án, nhà thầu theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án.

9. Về quyết toán vốn đầu tư công trình

a) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 70 và khoản 2 Điều 72 của Luật PPP, thực hiện quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 60 Luật PPP, chương IV Nghị định số 28/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý tài chính dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư (sau đây gọi là Nghị định số 28/2021/NĐ-CP);

b) Trường hợp vốn đầu tư công trong dự án PPP được quản lý và sử dụng theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 70 của Luật PPP, tổng hợp giá trị đã giải ngân cho doanh nghiệp dự án PPP được kiểm toán độc lập kiểm toán, làm cơ sở để quyết toán vốn đầu tư công trong dự án PPP theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 60 Luật PPP, chương IV Nghị định số 28/2021/NĐ-CP.

10. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

11. Trường hợp phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 18. Nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn kinh doanh, khai thác

1. Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với các dự án đường cao tốc), Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn kinh doanh, khai thác dự án theo quy định của pháp luật và hợp đồng dự án.

2. Trường hợp phát sinh các vấn đề vượt thẩm quyền, báo cáo Bộ Giao thông vận tải để xem xét giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền.

Điều 19. Nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn chuyển giao, tiếp nhận công trình dự án, thanh lý hợp đồng

Cục Đường cao tốc Việt Nam (đối với các dự án đường cao tốc), Cục quản lý chuyên ngành tổ chức thực hiện chức năng nhiệm vụ của cơ quan ký kết hợp đồng trong giai đoạn chuyển giao, tiếp nhận công trình dự án, thanh lý hợp đồng, bao gồm:

1. Xác nhận hoàn thành công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng: kiểm tra, cấp xác nhận hoàn thành cho doanh nghiệp dự án theo quy định tại Điều 61 Luật PPP, Điều 76 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

2. Chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng

a) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BOT, BLT: thực hiện trình tự chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 1 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Đối với dự án PPP áp dụng loại hợp đồng BTO, BTL: thực hiện trình tự chuyển giao, tiếp nhận công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng theo quy định tại khoản 2 Điều 78 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

3. Chấm dứt hợp đồng dự án theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng

a) Chậm nhất 01 năm trước ngày chấm dứt hợp đồng dự án PPP theo thời hạn quy định tại hợp đồng, phối hợp với nhà đầu tư, doanh nghiệp dự án rà soát, thực hiện các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

b) Báo cáo Bộ Giao thông vận tải các nội dung theo quy định tại khoản 4 Điều 80 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP.

4. Chấm dứt hợp đồng dự án trước thời hạn

a) Trường hợp nhận thấy có căn cứ chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật PPP, báo cáo Bộ Giao thông vận tải, trong đó nêu rõ nguyên nhân, điều kiện, quyền và nghĩa vụ đã thực hiện, quyền và nghĩa vụ chưa thực hiện, phương án xử lý đối với việc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

b) Tổ chức thỏa thuận về điều kiện chấm dứt hợp đồng trước thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP;

c) Thực hiện các công việc khác theo quy định pháp luật và hợp đồng dự án.

5. Thanh lý hợp đồng dự án: thực hiện các nội dung theo quy định tại Điều 68 Luật PPP, trong quá trình thực hiện kịp thời báo cáo Bộ Giao thông vận tải các vấn đề vượt thẩm quyền (nếu có).

Chương V

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 20. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao chuẩn bị báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, tiếp nhận hồ sơ đối với dự án do nhà đầu tư đề xuất

1. Chịu trách nhiệm về trình tự, thủ tục, tính chính xác của số liệu, nội dung hồ sơ Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi; thiết kế sau thiết cơ sở và dự toán (nếu có); nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư và pháp luật khác có liên quan trong công tác lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị dự án; bên mời thầu trong công tác lựa chọn nhà đầu tư.

2. Chịu trách nhiệm kiểm tra, rà soát, phối hợp với nhà đầu tư đề xuất dự án trong việc lập nhiệm vụ, dự toán chi phí lập đề xuất dự án, chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi.

3. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

Điều 21. Trách nhiệm của Cục quản lý chuyên ngành, Cục Đường cao tốc Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Khi thực hiện quyền và nghĩa vụ của cơ quan ký kết hợp đồng chịu trách nhiệm trước cơ quan có thẩm quyền và pháp luật về việc thực hiện các nội dung công việc được ủy quyền.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các dự án đã ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo các quy định của hợp đồng dự án đã được ký kết. Trường hợp hợp đồng đã ký kết trước ngày Thông tư này có hiệu lực nhưng thực hiện ký kết Phụ lục hợp đồng sau ngày Thông tư này có hiệu lực thì việc ký kết Phụ lục hợp đồng thực hiện theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với các dự án đã được được giao, ủy quyền, chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan ký kết hợp đồng trước ngày Thông tư này có hiệu lực được tiếp tục thực hiện theo các văn bản đã giao, ủy quyền, chuyển cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan ký kết hợp đồng của Bộ Giao thông vận tải.

3. Đối với các dự án chưa được ủy quyền trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì Cục Đường cao tốc Việt Nam chủ trì rà soát, lập danh mục trình Bộ Giao thông vận tải thực hiện việc ủy quyền theo quy định của Thông tư này.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2023.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 50/2018/TT-BGTVT ngày 11 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ký kết và thực hiện hợp đồng các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư do Bộ Giao thông vận tải quản lý.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng các quy định tại văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 24. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Quản lý đầu tư xây dựng, Cục trưởng Cục Đường bộ Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường cao tốc Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường sắt Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Bộ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Công báo;
- Báo Giao thông; Tạp chí GTVT;
- Lưu: VT, KHDT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Nguyễn Duy Lâm